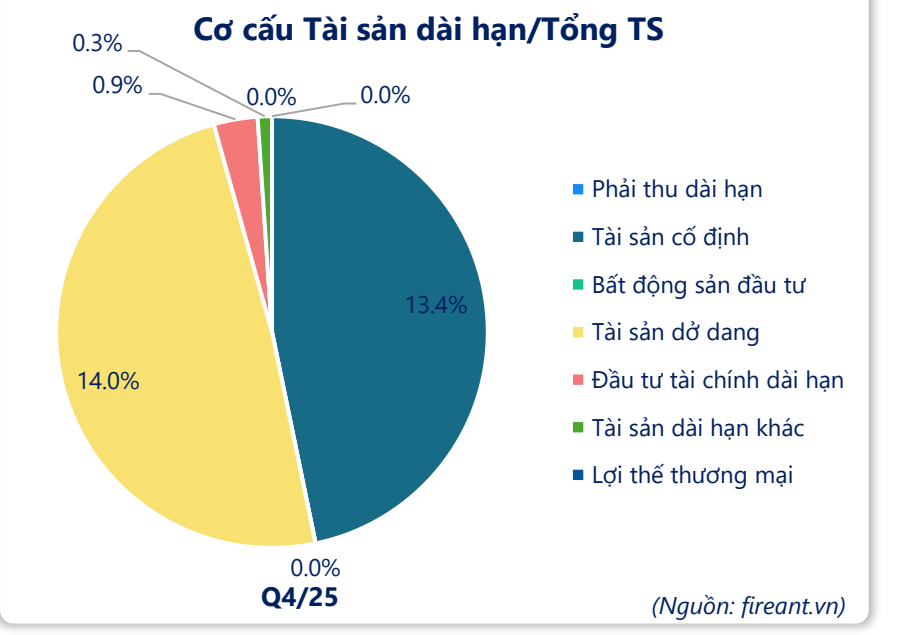
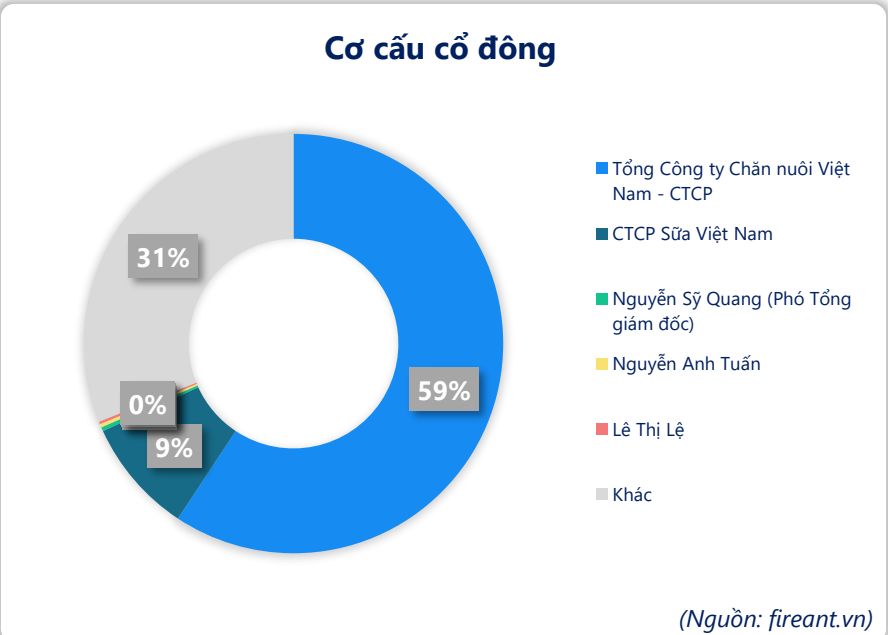
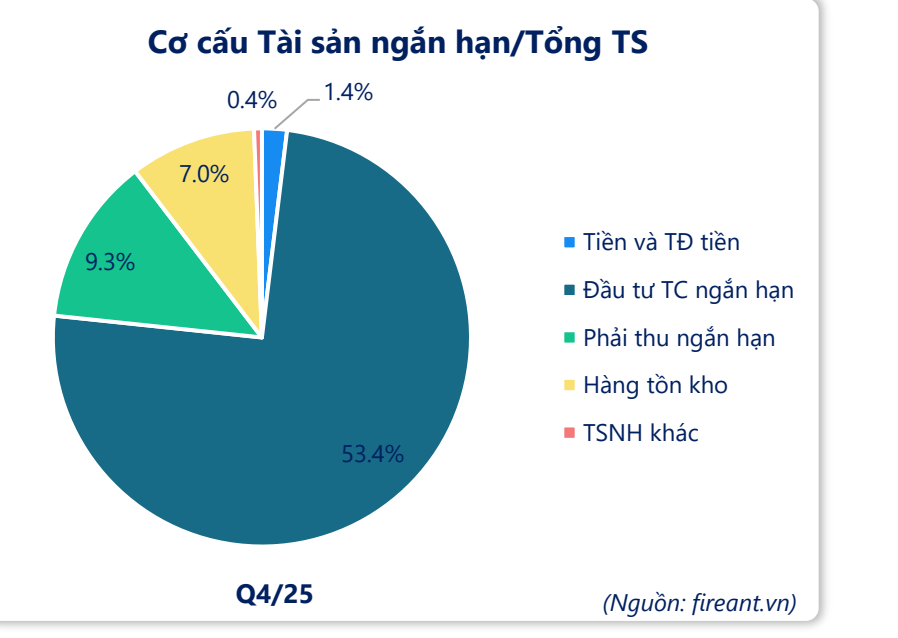
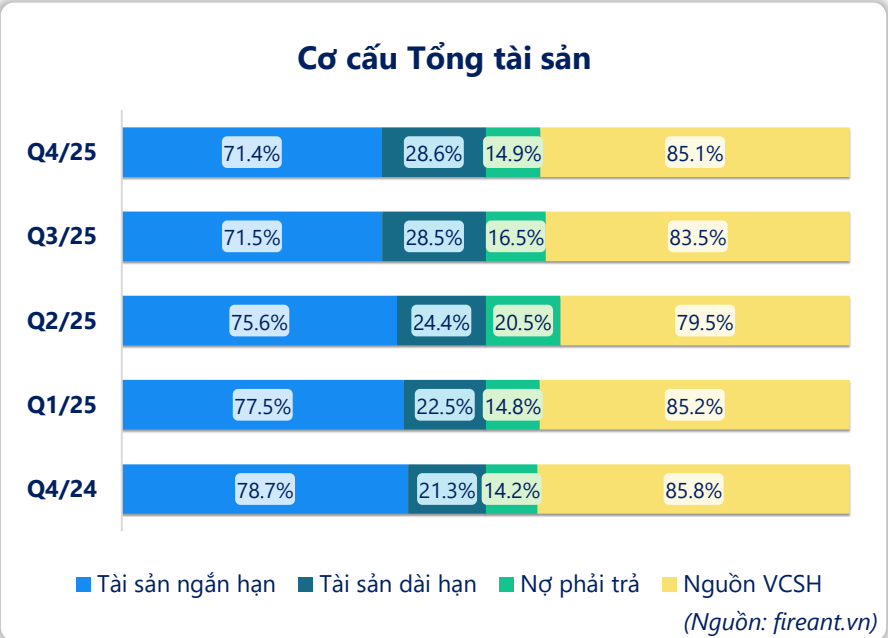
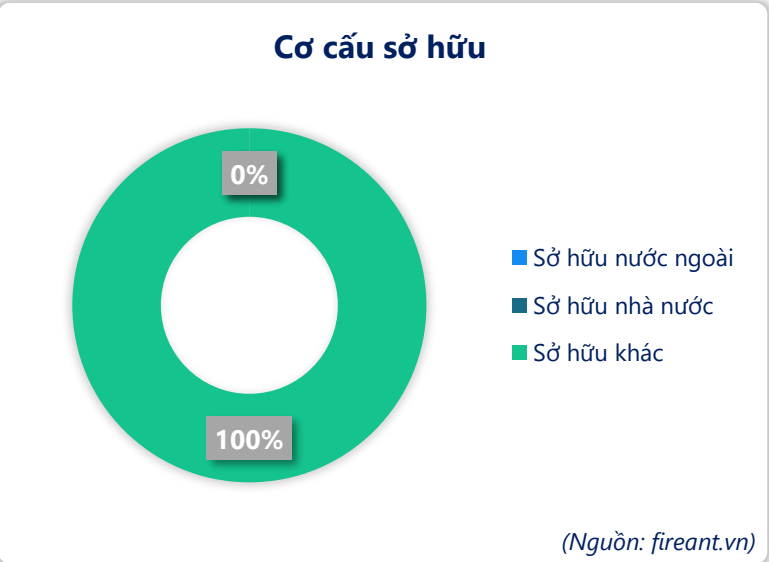
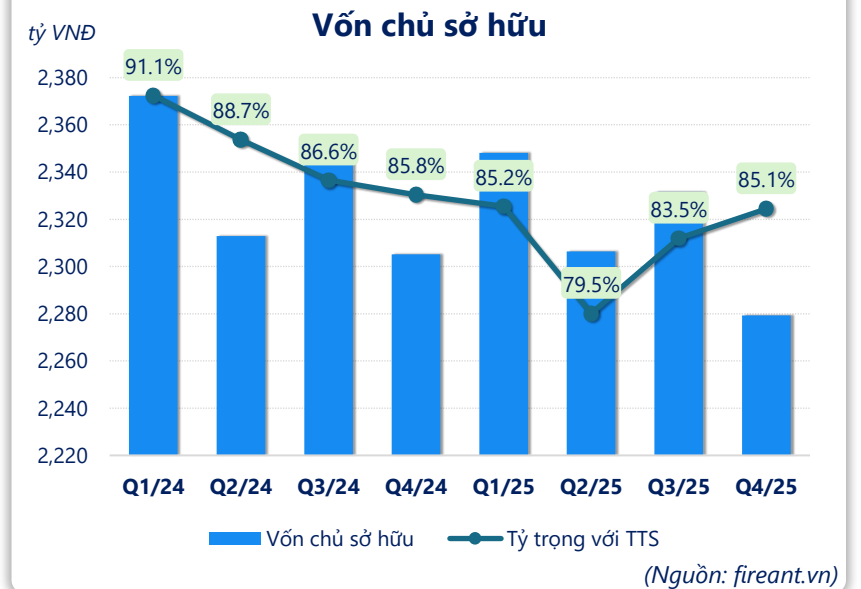
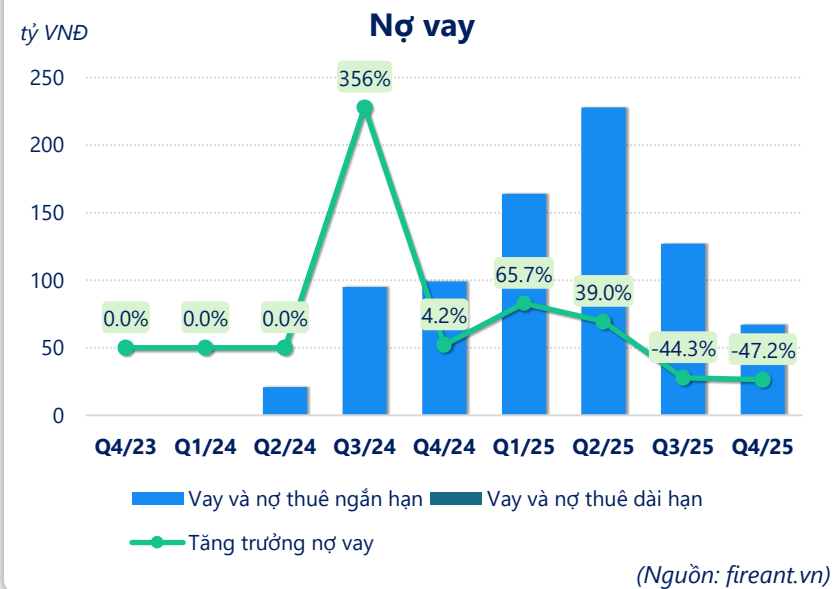
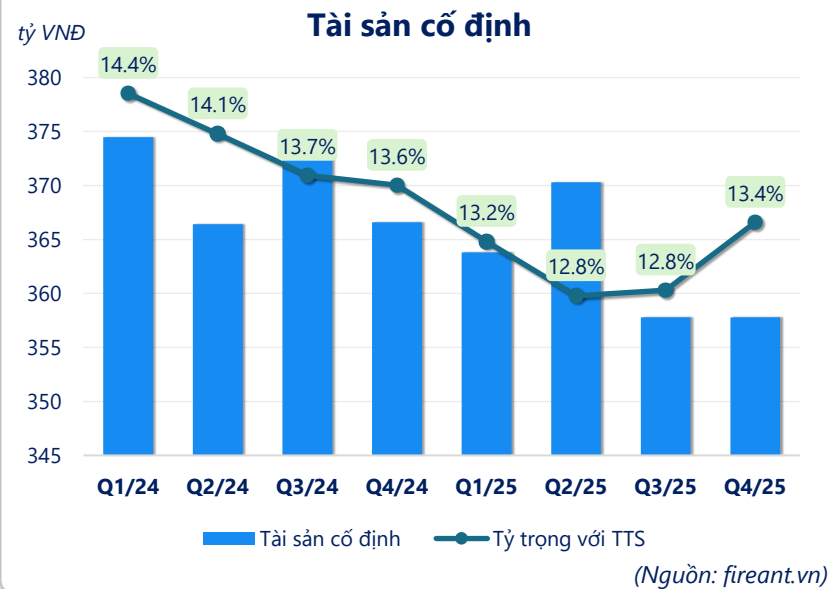
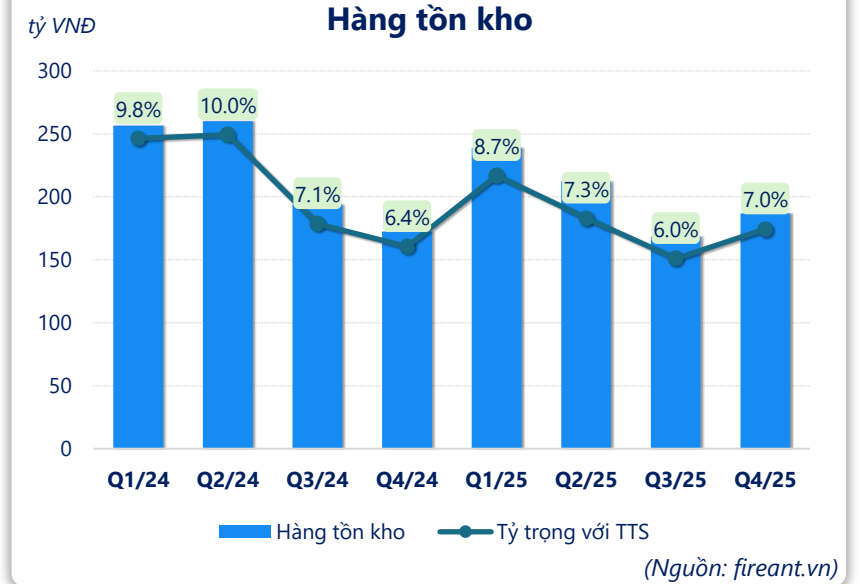
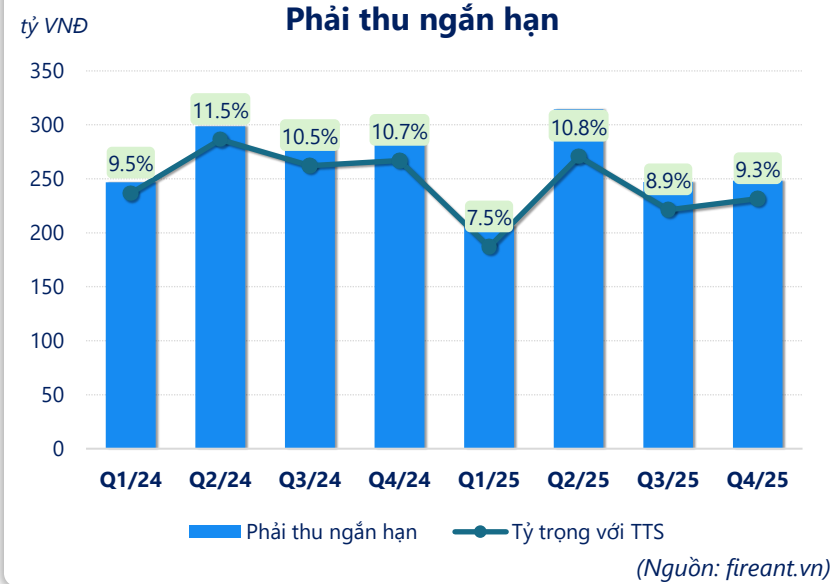
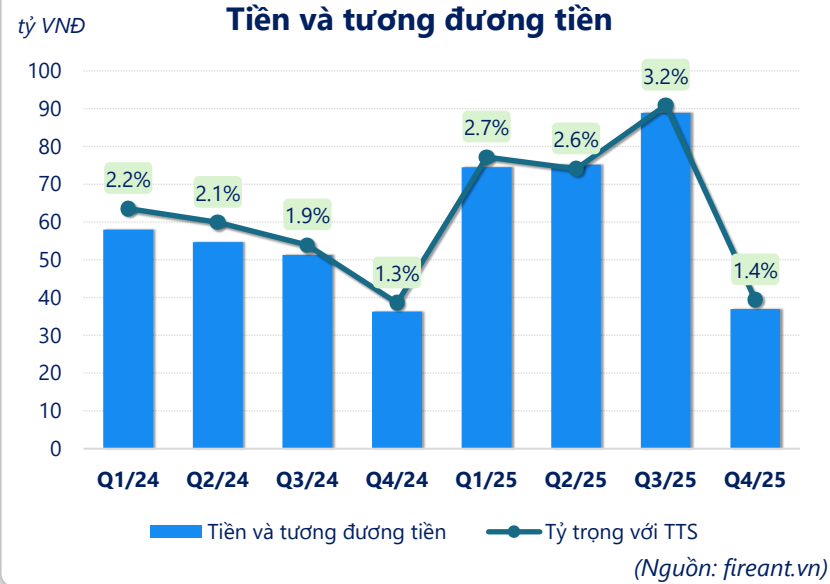
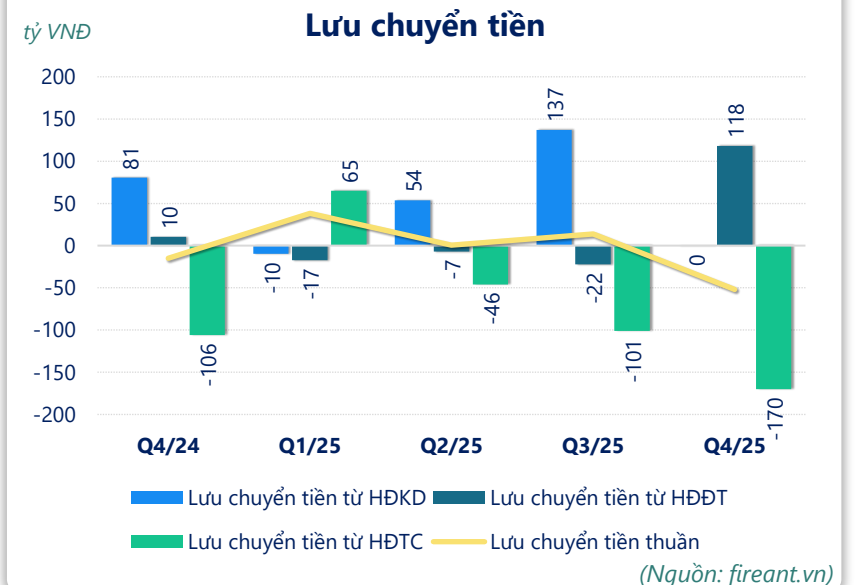
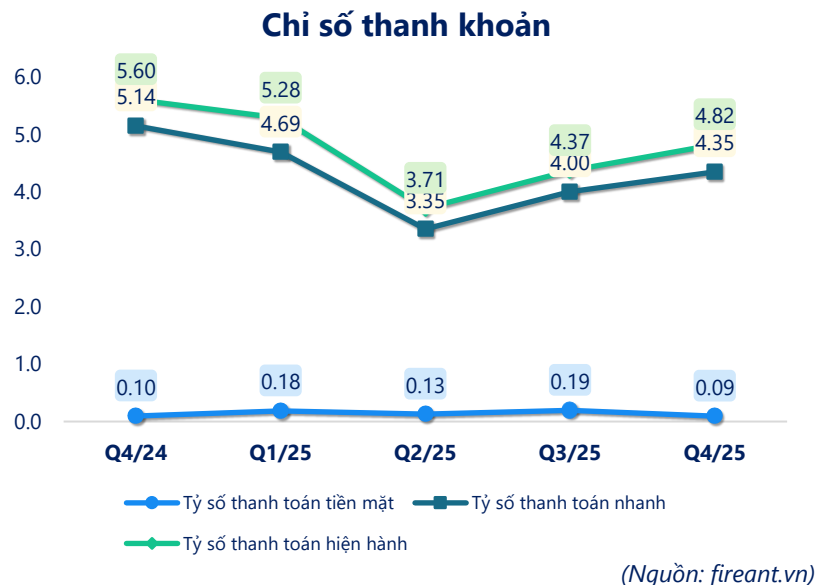
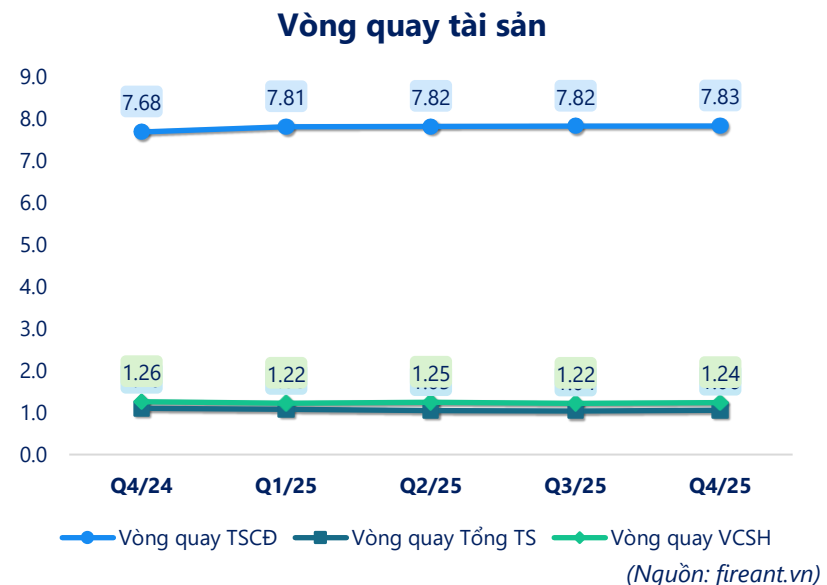
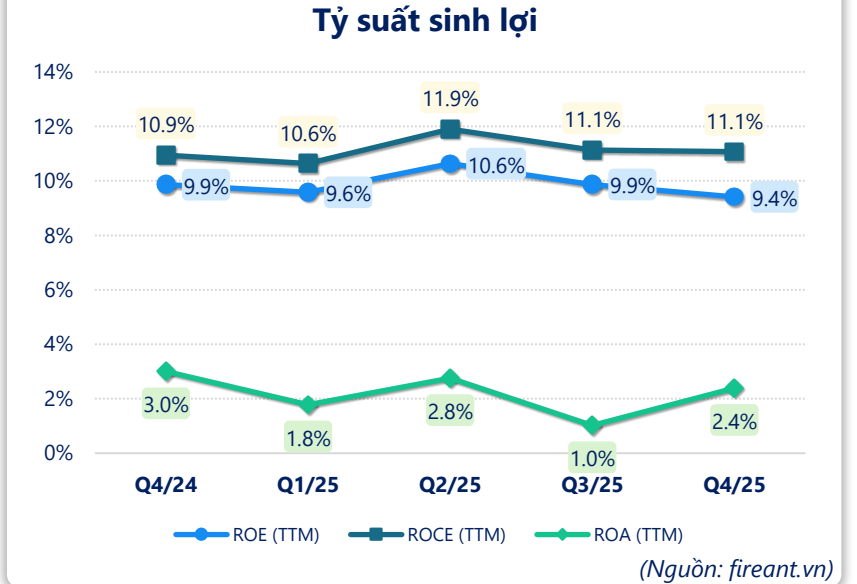
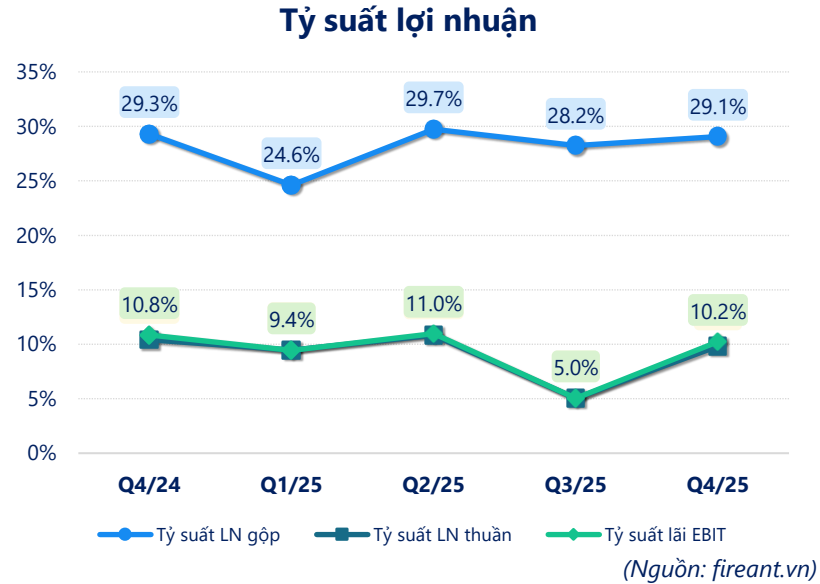
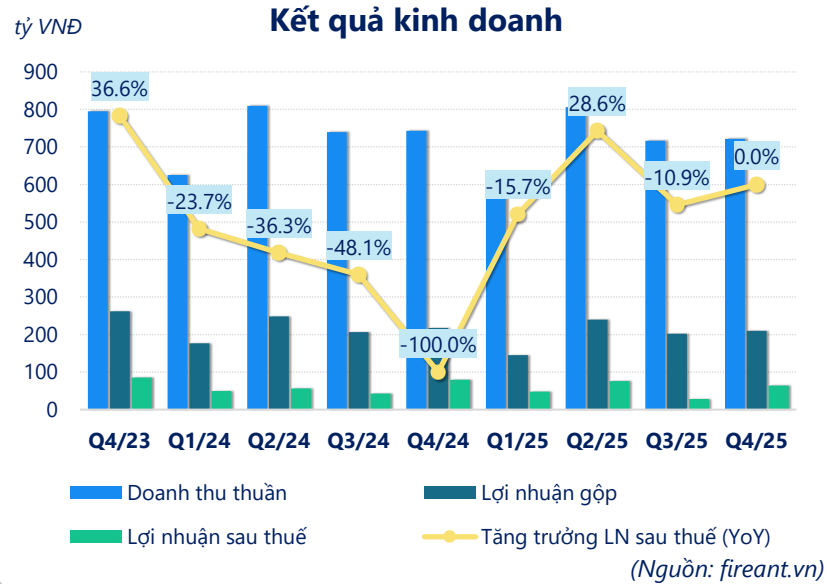


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,089
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,404
SL cổ phiếu LH		110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,570
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,899
P/E		13.4
EPS		1,961

	YTD	1T	3T	6T
MCM	-17.9%	-1.1%	-3.8%	-3.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,680	2,687	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	1,915	2,115	-9.5%
Tiền và tương đương tiền	37.0	36.3	1.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,431	1,603	-10.7%
Phải thu ngắn hạn	248	287	-13.5%
Hàng tồn kho	187	172	8.5%
Tài sản ngắn hạn khác	11.6	16.2	-28.9%
Tài sản dài hạn	765	572	33.8%
Phải thu dài hạn	0	0.09	-100%
Tài sản cố định	358	367	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	374	187	100%
Đầu tư tài chính dài hạn	25.1	0.08	29862%
Tài sản dài hạn khác	8.16	18.2	-55.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	401	381	5.0%
Nợ ngắn hạn	397	378	5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.0	99.0	-32.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	198	165	20.0%
Nợ dài hạn	3.08	3.88	-20.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,279	2,305	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	2,279	2,305	-1.1%
Vốn điều lệ	1,100	1,100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	743	591	806	716	721
Giá vốn hàng bán	525	446	567	514	512
Lợi nhuận gộp	218	145	240	202	210
Doanh thu HĐTC	25.5	24.5	27.7	25.9	25.8
Chi phí TC	1.32	1.28	2.15	1.70	0.87
Chi phí lãi vay	1.16	1.17	1.98	1.69	0.87
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	154	102	169	182	153
Chi phí QLDN	10.4	10.3	8.97	8.25	10.5
LN thuần từ HĐKD	77.3	56.0	87.3	36.1	70.8
Lợi nhuận khác	2.11	-1.35	-0.78	-1.67	2.12
LN trước thuế	79.4	54.7	86.5	34.5	72.9
Lợi nhuận sau thuế	79.4	47.8	75.7	28.1	64.1
LNST của CĐ cty mẹ	79.4	47.8	75.7	28.1	64.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	80.6	-9.67	53.8	137	-0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.4	-17.1	-7.07	-22.2	118
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-106	65.0	-46.0	-101	-170
Tiền đầu kỳ	51.3	36.3	74.5	75.2	88.9
Lưu chuyển tiền thuần	-15.0	38.2	0.69	13.7	-51.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.3	74.5	75.2	88.9	37.0

(Nguồn: fireant.vn)